

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C, TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HS-ST

Ngày: 11/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - + Ông **Mã Thanh Trung**
 - + Ông **Nguyễn Văn Dực**
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Kim Liêu** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Hương Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2019 đối với:

*** Bị cáo:**

Trần Văn M (H), sinh năm 1991, tại tỉnh T.

- Nơi ĐKTT: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh T.
- Tạm trú: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Đ.
- Nghề nghiệp: Làm thuê.
- Trình độ văn hoá: Không biết chữ.
- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.
- Con ông Trần Văn B, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm

1968.

- Bị cáo chưa có vợ con.

- Tiền sự: Không.

- Tiền án: 03 tiền án.

+ Ngày 27/3/2014, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 13/02/2015.

+ Ngày 04/8/2015, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 22/4/2016.

+ Ngày 04/11/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 26/9/2018.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 09/3/2019, chuyển tạm giam từ ngày 12/3/2019 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* **Bị hai**: Bà **Lê Thị Mỹ D**, sinh năm 1974 (Có mặt).

ĐKHKT: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

Tạm trú: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh T.

* **Người làm chứng**: Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Văn M có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản. Vào khoảng 13 giờ ngày 08/3/2019, bị cáo M đi xe buýt từ nơi tạm trú của bị cáo ở xã T, huyện T, tỉnh Đ đến thị trấn C, huyện C, tỉnh T để tìm việc làm. Khi đến ngã ba A thuộc ấp 2, xã A, huyện C, tỉnh T, do xe buýt hết tuyến nên bị cáo xuống xe, do hết tiền nên bị cáo tiếp tục đi bộ trên đường Quốc Lộ 1 về hướng T, khi đi đến khu vực chợ C thuộc xã A, huyện C, tỉnh T bị cáo gặp ông Nguyễn Văn

C, sinh năm 1956, thường trú tại ấp C, xã A, huyện C, tỉnh T là người chạy xe honda khách có quen biết từ trước nên cả hai vào quán cà phê A gần đó uống nước. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày ông C kêu bị cáo đến quán cơm của chị Lê Thị Mỹ D cách quán cà phê khoảng 60m ăn cơm, ông C sẽ trả tiền cho bị cáo. Khi đến quán cơm, bị cáo nhìn thấy quán đã đóng cửa có rào lưới B40 bên ngoài, trong quán không có ai nên bị cáo nảy sinh ý định vào trộm cắp tài sản. Vì còn sớm và có nhiều người đi lại trên đường nên bị cáo quay trở lại quán cà phê A ngồi đợi, đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, M đi đến quán cơm của chị D bỏ dép ngoài hàng rào lưới B40 rồi trèo vào bên trong quán đến tủ kính để bên phải trên quầy pha chế theo hướng từ ngoài vào, nhìn thấy trong tủ có 01 xấp tiền được buộc bằng dây thun để ở ngăn trên, cửa tủ không khóa, bị cáo dùng tay mở cửa lấy xấp tiền tổng cộng 49.000 đồng bỏ vào túi quần phía trước bên phải rồi tiếp tục lục tìm tài sản trộm cắp tiếp. Lúc này, chị D về đến nhà phát hiện truy hô, bị cáo leo qua hàng rào lưới B40 rồi bỏ chạy ra Quốc Lộ 1 về hướng T thì bị anh Nguyễn Thanh H là người đi đường điều khiển xe mô tô đuổi theo bị cáo đến khu vực trước cổng Ủy ban nhân dân xã A thì bắt giữ bị cáo cùng tang vật giao cho lực lượng Công an xã A, huyện C, tỉnh T giải quyết.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 15 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng, 17 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng buộc bằng dây thun, tổng cộng 49.000 đồng.

- 01 đôi dép lê, loại dép lười, màu xanh.

- 01 bao nilon có chữ màu xanh được cuộn tròn và được buộc bằng dây gân màu xanh.

Ngày 03/5/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trao trả số tiền 49.000 đồng lại cho chị Lê Thị Mỹ D. Hiện Cơ quan Điều tra còn tạm giữ 01 đôi dép lê, loại dép lười màu xanh; 01 bao nilon có chữ màu xanh được cuộn tròn và được buộc bằng dây gân màu xanh.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Văn M đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu do Cơ quan điều tra thu thập và vật chứng thu giữ.

Tại bản Cáo trạng số: 41/CT-VKS, ngày 26/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo Trần Văn M về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo: Từ 09 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Đối với 01 đôi dép lê, loại dép lười màu xanh; 01 bao nilon có chữ màu xanh được cuộn tròn và được buộc bằng dây gân màu xanh không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo thống nhất với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo không nói lời sau cùng.

- Bị hại: Thống nhất với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì. Về trách nhiệm hình sự yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự bị hại không có yêu cầu gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đối với người làm chứng Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ của người làm chứng Nguyễn Thanh H nên sự vắng mặt của người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử, chủ tọa phiên tòa công bố lời khai trong quá trình điều tra của người làm chứng vắng mặt.

[2] Về hành vi của bị cáo bị truy tố:

Bị cáo M thừa nhận hành vi phạm tội vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 08/3/2019, tại quán cơm của chị Lê Thị Mỹ D ở ấp T, xã A, huyện C, tỉnh T, bị cáo M đã có hành vi trộm cắp của chị D số tiền 49.000 đồng thì bị bắt quả tang.

Tại phiên tòa bị cáo xác định đã lợi dụng lúc bị hại không có ở quán ăn, không người trông coi đã lén lút đột nhập vào bên trong quán để trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành và được thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp. Mặc dù bị cáo chỉ trộm cắp số tiền 49.000 đồng nhưng do bị cáo có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, bị cáo không bị oan sai.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích chiếm đoạt bằng được tài sản của người khác để tiêu xài cá nhân. Bị cáo có 03 tiền án đều là về hành vi trộm cắp tài sản, lẽ ra sau khi có thời gian dài bị cách ly ra khỏi xã hội chịu sự quản lý giáo dục, bị cáo phải biết ăn năn, hối cải sửa chữa lỗi lầm, để trở thành người tốt và

có ích cho xã hội. Nhưng bị cáo không làm được điều đó, bị cáo vẫn bất chấp pháp luật mà thực hiện hành vi phạm tội. Tuy tài sản bị cáo trộm cắp không lớn nhưng hành vi của bị cáo đã xâm phạm và gây thiệt hại trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo gây lo ngại trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm theo quy định pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Trong vụ án này bị cáo có 03 tiền án và căn cứ này đã là căn cứ định tội nên không được coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại khoản 2 điều 52 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều khoản truy tố, mức hình phạt và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về vật chứng:

- 01 đôi dép lê, loại dép lười, màu xanh.

- 01 bao nilon có chữ màu xanh được cuộn tròn và được buộc bằng dây gân màu xanh.

Đối với đôi dép lê, loại dép lười, màu xanh bị cáo khai nhận là của bị cáo và bị cáo không có yêu cầu nhận lại Hội đồng xét xử xét thấy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 bao nilon có chữ màu xanh được cuộn tròn và được buộc

bằng dây gân màu xanh bị cáo không thừa nhận là của bị cáo và bị hại xác định cũng không phải của bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

- Khoản 1, điểm c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn M (H) phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù.

Thời gian chấp hành án phạt tù được tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 09/3/2019.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép lê, loại dép lão, màu xanh; 01 bao nilon có chữ màu xanh được cuộn tròn và được buộc bằng dây gân màu xanh.

Tất cả vật chứng, tài sản trên hiện do Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C đang quản lý (Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27 tháng 5 năm 2019 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C).

3. Về án phí:

Bị cáo Trần Văn M phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/7/2019) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- VKSND tỉnh T;
- TAND tỉnh T;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU